

tạo con người có trách nhiệm tự giác, biết kiềm chế những ham muốn của bản thân để mưu lợi cho cộng đồng. Nếu như chúng ta không quan tâm tới việc tạo nên những người con có hiếu với cha mẹ, không biết yêu quý gia đình, không biết nhường nhịn, thì sẽ có những người vâng lời vì sợ hay vì giả dối, chỉ cốt để mưu lợi cho mình. Thậm chí, nếu như chúng ta coi nhẹ những đứa con có hiếu, không che chở họ, thì sẽ có những kẻ phạm thượng xuất hiện khi chế độ gặp khó khăn. Điều này là không thể tránh được, bởi vì chúng ta đang xây dựng một xã hội chưa có tiền lệ, dựa vào một khuôn mẫu phương Tây, trước một đối thủ mạnh hơn chúng ta rất nhiều về kinh tế, về kinh nghiệm, lợi dụng kinh tế làm viên đạn bọc đường, lại chẳng thích thú gì đối với chế độ chúng ta.

Dĩ nhiên, chữ "*hiếu*" có nguy cơ tạo nên một nhân dân thụ động, nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, đặc biệt khi chữ Hiếu như ở Việt Nam là gắn liền với quyền lợi đất nước, mà ta gọi là "*Đại hiếu*", với tâm lý dám phá công lệ, trong hoàn cảnh một thế giới đang đổi mới từng ngày thì thực tế không gây trở ngại.

3. Lý thuyết "*Đại hiếu*" là xuất phát từ tâm thức dân tộc. Trường hợp Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi còn có thể giải thích là chịu ảnh hưởng Nho giáo. Tôi dẫn trường hợp hai bà mẹ :

GS. Đặng Thai Mai kể chuyện bà nội của ông có con trai là Đặng Thúc Hứa ra đi tìm đường cứu nước.

Bà cụ dặn cô cháu gái gọi bằng bác là Đặng Quỳnh Anh trước khi cô lên đường sang Thái Lan :

*"Cháu sang đó báo anh Tú (Đặng Thúc Hứa đô tú tài) là : Đã có gan đi tìm đường cứu nước thì bao giờ lấy lại được nước mới trở về, chớ quay lại làm "gà ăn quán cối xay", cam chịu làm kẻ đầu hàng. Cháu cũng vậy, đã quyết tâm ra đi thì đừng tính chuyện hiếm nghèo".*

Chuyện này anh Sơn Tùng kể lại trong *"Con người và con đường"* (NXB Văn hóa và Thông tin, Hà Nội, 1993), GS. Đặng cũng nhắc lại trong *"Hồi ký"*. Bà Ưng Ủy, con gái Thượng thư Hồ Đắc Trung, là chị ruột cụ Hồ Đắc Diệm, thuộc dòng thế gia vọng tộc nhất nước, có người con trai duy nhất là Bửu Hội, nhà hóa học thế giới. Nghe tin con làm đại sứ cho Ngô Đình Diệm, hai ông bà đánh điện từ con. Bà cụ không cho phép con trai gặp mặt mình khi người con về chịu tang cha (11). Tôi dịch *"Chuyện làng Nho"* của Ngô Kính Tử và tham gia dịch *"Hồng lâu mộng"* của Tào Tuyết Cần rất thắc mắc về điểm tại sao trong hai bộ tiểu thuyết cực lớn này không có một lời bóng gió về tình trạng đất nước bị ngoại tộc cai trị. Rõ ràng tâm thức hai dân tộc rất khác nhau.

4. Gia đình Việt Nam không phải gia đình Trung Hoa hay gia đình châu Âu. Ở đây nông nghiệp khô, ít cần nước, cho nên riêng một gia đình có điều kiện để cày cấy, kiếm sống. Do đó, sự gắn bó của gia đình với

cái cộng đồng trong đó gia đình sống không chặt chẽ cho lắm. Chính tình trạng này dẫn tới quan niệm phổ biến một thời ở những người cách mạng cho rằng vấn đề nông dân là vấn đề ruộng đất. Điều này áp dụng cho nông dân châu Âu mà không áp dụng cho Việt Nam ở đây nông dân thà mất đầu nhưng không chịu mất nước.

Khi giai cấp vô sản châu Âu chủ trương "*Vô gia đình*", là xuất phát từ chính thực tế châu Âu. Từ sau cách mạng Pháp 1789, từ khi cách mạng chia ruộng đất cho nông dân, trong gia đình Pháp, cũng như ở châu Âu có tập tục không chia ruộng cho các con mà chỉ trao cho người con trai đầu. Người con gái khi đi lấy chồng sẽ được nhận của hồi môn để theo chồng. Còn các con trai sinh sau đều phải lên thành phố làm công nhân. Tức là trong thực tế, giai cấp công nhân đã vô gia đình rồi, chủ trương này không phải khẳng định gia đình như là một trở lực đối với cách mạng. Trái lại, chính gia đình Việt Nam lại là chỗ dựa của cách mạng, điều mà hai cuộc kháng chiến vừa qua là bằng chứng hùng hồn, cũng như tình hình Việt Nam từ khi mất nước cho thấy những người đi làm cách mạng đều lùi cuốn trước hết những người trong gia đình và gia đình Việt Nam che chở cách mạng.

Nghề trồng lúa nước bắt người nông dân phải tát nước khi thiếu nước và tháo nước khi thừa nước.

Trong hoàn cảnh này, một gia đình riêng rẽ không tài nào tự mình trồng lúa nước được. Trước khi nước vào hay ra khỏi ruộng tôi, nó sẽ chảy qua ruộng anh, và nhiều lúc anh đã bỏ phân rồi vẫn phải để nước chảy qua, dù anh bị thiệt hại. Do đó, phải có tổ chức đoàn kết gắn bó mọi người dân vào một thể cộng đồng chung, tức làng xã để điều hòa quyền lợi. Làng xã ra đời trong cái môi trường sinh thái học này, do đó nó rất vững chắc. Không phải ngẫu nhiên mà làng xã dưới những hình thức khác nhau, tồn tại hàng ngàn năm cho đến giờ. Một khi cái làng là vật do người dân tạo ra, thì nó là tài sản chung của mọi người dân trong làng. Ông vua và dòng họ, bộ máy quan lại không có quyền nhường tài sản này cho bất kỳ ai, họ là những người quản lý tài sản. Nếu ông vua không làm được nhiệm vụ này thì họ phải thay đổi vua, thay đổi triều đại để tìm bộ máy quản lý thích hợp. Nhân dân trong khi chờ đợi người lãnh đạo, trực tiếp đứng lên bảo vệ lấy làng xóm mình. Ai tỏ ra xứng đáng hi sinh nhiều nhất để cứu nước, người ấy sẽ được toàn dân theo, bất chấp gia thế, tài sản, nguồn gốc xuất thân.

5. Nếu như văn hóa Triều đình, chính thống, lấy Tổ quốc, nghĩa vụ thân dân làm nội dung thống nhất, thì văn hóa làng xã mà người ta hay gọi là văn hóa dân gian có một nội dung khác. Nội dung của nó là ý thức hệ của công xã nông thôn, đòi hỏi bình đẳng, công bằng, chống đối xử bất công với những người

dân cày, phụ nữ, ca ngợi tình yêu nam nữ, tinh thần lao động và có những yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Nó hết sức phong phú và mang nhiều hình thức đa dạng : tục ngữ, ca dao, các bài hát, chèo, tuồng đồ, truyện Nôm, huyền thoại dân gian. Nó thường mang sắc thái địa phương. Về hát chẳng hạn, có hát dặm, hát ví, hát quân, hát phường vải... có diễn đạt khác nhau ở từng địa phương và gắn liền với sinh hoạt, lao động của người dân.

Một người Việt Nam sinh ra đã tiếp thu nó trong tiếng hát ru của mẹ, lớn lên tham gia trong các trò chơi, các nghi lễ, các cuộc đua tài, các buổi trao đổi tâm tình với những người bạn khác giới. Không phải văn hóa triều đình làm cơ sở của văn hóa dân tộc, mà chính là *văn hóa dân gian*. Một nhà Nho khi viết bằng chữ Nôm thường theo văn hóa dân gian hơn là văn hóa bác học, và khi làm thế anh ta nhiều khi phê phán những giáo lý phong kiến về tính chất hẹp của nó. Trái lại, không có nhà Nho nào coi khinh hay chống lại văn hóa dân gian. Một người Việt Nam, do đó, có hai văn hóa cùng tồn tại trong tư tưởng mình. Do tình trạng này, diễn ra một hiện tượng thú vị là nhà Nho sử dụng những hình thức quen thuộc nhất của văn chương thi cử để chống lại hệ tư tưởng Nho giáo. Về phú, ta có *Ngã Ba Hạc phú* của Nguyễn Bá Lân, *Tài tứ đa cùng phú* của Cao Bá Quát, về thơ Đường ta có thơ Đường Hồ Xuân Hương, với câu đối ta có câu đối Nguyễn Khuyến, về văn sách ta có văn

sách của Lê Quý Đôn. Về văn tế, ta có văn tế sống. Còn truyện nôm, chèo thì gần như toàn bộ là theo tư tưởng bình dân. Người xưa dùng danh từ "Nôm na mách quẻ" để chỉ văn học Nôm không phải là không có cơ sở. Nếu như văn học chữ Hán là nghiêm chỉnh, trang trọng thì văn học Nôm lại phê phán, giễu cợt, vang dội tiếng cười hồn nhiên, đả phá những khuôn vàng thước ngọc của Nho giáo. Tức là Nho giáo bị khúc xạ qua lăng kính tâm thức dân gian.

6. Vì chế độ quân chủ Việt Nam xây dựng trên một nền công xã tự quản cho nên nó mang tính chất nước đôi. Vua chúa Việt Nam không phải ông hoàng đế Trung Hoa có thể làm bất cứ điều gì dựa trên một bộ máy quan liêu chỉ biết có vâng dạ. Họ cũng không phải là những ông Vua - Thần kiêu DNA có thể huy động của cải, sức lực nhân dân làm những công trình hùng vĩ, vượt quá trí tưởng tượng của con người. Bạo lực là đặc điểm của chế độ quân chủ nói chung trừ ở Việt Nam. Về kiến trúc, Việt Nam chưa bao giờ có kiến trúc gì lớn hơn là kinh đô Huế. Nhưng Hoàng thành của Huế so với Cố Cung ở Bắc Kinh mà tôi đã được xem thì rất nhỏ. Tư Đức xây lăng Vạn Niên mà hiện nay ta còn thấy thực sự không thấm gì với các lăng ở DNA, nhưng đã là nguyên nhân gây nên một cuộc nổi dậy. Có hai việc một ông vua Việt Nam có quyền tận dụng sức dân mà dân vẫn theo vì nó gắn liền với quyền sống của người dân : chống ngoại xâm và đập đê chống lũ lụt. Kiến trúc vĩ đại nhất của văn

hóa Việt Nam là hệ thống dề điều ở Bắc và hệ thống kênh muong ở Nam. Một người cầm đầu Trung Quốc, một ông vua DNA sẵn sàng làm cỏ một vùng khi có người nổi dậy. Ông vua Việt Nam để đàn áp một cuộc khởi nghĩa chỉ có thể chém vài người rồi tha cho dân chúng. Nếu làm cỏ một làng là đụng đến cơ chế làng xã và mất ngay sự ủng hộ của dân. Một Hồ Quý Ly lo xây thành Tây Đô di tích ta còn thấy, kể ra không to lớn gì, nhưng cũng đủ làm mất lòng dân, và triều đại sụp đổ.

Để giải tán công xã có hai cách. Cách thứ nhất là sử dụng thương nghiệp, chuyển kinh tế tự cung, tự cấp thành kinh tế hàng hóa. Cách này rất dễ nhưng tự nó sẽ dẫn tới một tầng lớp thương nhân hùng mạnh làm chủ kinh tế và có khả năng thay đổi triều đại. Cách thứ hai là dùng bạo lực, nhưng cách này sẽ dẫn tới sự nổi dậy của toàn thể nhân dân và ngoại xâm sẽ vào ngay tức khắc. Kết quả, Việt Nam có một kinh tế tự túc ở hai cấp, cấp quốc gia, cấp làng xã, một chính trị phong bế và một văn hóa tự mãn tự túc ; một truyền thống nghèo khổ, tuy về mặt văn hóa mà nói, đó là một văn hóa rất cao.

Nhận xét dưới đây của J.K. Fairbank nói về Trung Quốc rất đáng cho ta suy nghĩ, vì nó cũng áp dụng phần nào cho nông thôn Việt Nam.

*"Đối với người Mỹ và người châu Âu với mức sống vật chất cao hơn của họ, điều kinh ngạc về nông*

dân Trung Quốc là khá năng duy trì một đời sống văn hóa cao trong những điều kiện nghèo nàn như vậy. Câu trả lời là ở trong các thể chế xã hội của họ, là cái đã đưa các cá nhân của từng gia đình qua các chặng đường và các bất hạnh của đời sống con người tới những khuôn khổ hành vi đã ăn sâu. Các thể chế và các khuôn mẫu hành vi này là thuộc loại cổ xưa nhất và thuộc vào những hiện tượng xã hội bền vững nhất thế giới. Trung Quốc là một pháo đài của chế độ gia đình và sức mạnh và sức ì của nó cũng bắt nguồn từ đó" (12).

Chữ "gia đình" ở đây là tông tộc hơn là gia đình như chúng ta hiểu. Mặc dầu thế, ta cần tránh cách nhìn kinh tế luận trong câu chuyện gia đình. Điều này rất có hại cho CNXH. Trước khi xét gia đình như một biểu hiện văn hóa, cần phải giải thích tại sao Việt Nam lại nghèo. Theo người viết, phải tìm cho ra nguyên nhân. Nguyên nhân là có một tình trạng đồng mưu giữa chính quyền nhà vua và làng xã kìm hãm thủ công nghiệp và thương nghiệp. Có một ác cảm thâm căn cố đế trong văn hóa đất nước chống lại thương nghiệp và thủ công nghiệp còn tồn tại dai dẳng đến giờ, một thành kiến cần phải xóa bỏ.

Để thấy hiện tượng này, một cách nhìn dù sơ lược về truyền thống thủ công nghiệp Việt Nam là rất bổ ích. Công trình tốt nhất về vấn đề này là kết quả của "Hội thảo quốc tế về Bảo tồn và phát triển



*làng nghề truyền thống Việt Nam"* (Hà Nội tháng 8-1996).

7. Người Việt Nam có đôi bàn tay vàng. Chỉ căn cứ vào những tư liệu chắc chắn, vào thế kỉ IX, làng Vạn Phúc (Hà Đông, nay thuộc Hà Tây) đã có nghề dệt lụa và gấm. Đời Trần, thế kỉ XII-XIV đã chuyên sản xuất nón Ma Lô. Đời Lý - Trần có làng Đê Cầu (Hà Bắc) và làng Đông Mai (Hải Hưng) chuyên luyện đồng thau và đúc tượng, đỉnh, chuông, mâm, đồ thờ. Túc Mặc tức Thiên Trường đời Trần, cùng với làng Bát Tràng có nghề làm gốm men ngọc nổi tiếng. Lụa, là, the, dũi phát triển ở Hà Đông (trước đây) tinh xảo không kém Trung Quốc. Nghề làm giấy phát triển ở Nghĩa Đô. Kinh đô Thăng Long từ thời Hậu Lê đã nổi tiếng với 36 phố phường, với những phường chuyên về thủ công như phường Yên Thái chuyên làm giấy dó, phường Nghi Tàm, Thụy Chương dệt vải lụa, phường Hàng Đào nhuộm điều, phường Hàng Bạc chế tác đồ bạc, phường Ngũ Xá (nay là Ngũ Xã) đúc đồng, phường Hàng Khay làm và bán đồ sơn, đồ mỹ nghệ, phường Hàng Trống bán dù, lông và tranh dân gian. Vào thế kỷ XVI - XVII sản lượng tơ tằm mỗi năm xuất cảng ở Đàng Ngoài hàng nghìn tạ, đường mía, đường phèn nổi tiếng ở đất Quảng. Nghề khai mỏ phát triển, Quảng Nam được xem là xứ sở của vàng. "*Phủ biên tạp lục*" của Lê Quý Đôn nói : "*Thương cảng Hội An hàng hóa rất nhiều, dù hàng*

*trăm tàu lớn chuyên chở một lúc cũng không hết được*  
" (13).

Theo Phạm Viêt Muôn trong bài "*Báo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống*" (14) làng nghề phần lớn hình thành trên cơ sở những người khác nhau từ nơi khác đến truyền nghề, trong đó có những ông quan đi sứ sang Trung Quốc và trở thành những tổ nghề. Một làng nghề phải gần đường giao thông, gần nguồn nguyên liệu, gần thị trường tiêu thụ và nhiều khi do sức ép về kinh tế, vì ruộng đất quá ít không đảm bảo được thu nhập nên phải làm nghề phụ. Nhưng các làng nghề Việt Nam không phát triển được thành những thị trấn, những thành phố có mục đích chuyển kinh tế đất nước khỏi kinh tế sản xuất nông thôn tự túc sang kinh tế hàng hóa được vì nó vấp phải văn hóa Việt Nam trước đây chính là văn hóa nông thôn. Văn hóa này muốn kiềm chế thủ công vào trong khuôn khổ của nó, không cho thủ công phát triển vì nó sẽ lôi cuốn nông dân khỏi làng, tạo thành những trung tâm điều khiển lại nông thôn như tình hình ở châu Âu. Mặt khác, chính quyền vua chúa chỉ xem thủ công nghiệp như một hoạt động cung cấp vật phẩm tiêu xài và đổi lấy hàng hóa nước ngoài. Thương nghiệp này vì do quan lại quản lý nên không thể có diện mạo độc lập, và bị bóp nặn kiệt sức. Vào thế kỷ XVIII, họ Trịnh quy định trước số chi rồi sau mới định số thu cho dân. Phan Huy Chú (thế kỷ XIX) nhận xét trong "*Lịch triều hiến chương loại chí*":

*"Vi trung thu quá mức, dân kiệt cá vật lục mà không thể nộp thuế, đến nổi thành ra bần cùng mà phải bỏ nghề nghiệp. Có người vì thuế sơn sồng mà phải chặt cây sơn, có người vì thuế vải lụa mà phải phá khung cửi. Cũng có người vì phải nộp gỗ cây mà phải bỏ rìu búa, vì thu cá tôm mà phải xé lưới, vì phải nộp mật mía mà không dám trồng mía, vì phải nộp bông chè mà bỏ hoang vườn tược".*

Kết quả của chính sách ức thương là :

- Văn hóa Việt Nam xưa không phải là văn hóa thành thị, không có hiện tượng thành thị chỉ huy nông thôn, chuyển bộ mặt kinh tế tự túc nông thôn sang kinh tế hàng hóa của thành thị để đổi mới kinh tế đất nước. Ngược lại, chính thành thị bị nông thôn hóa. Đô thị lớn nhất nước như Thăng Long chỉ là cửa hàng bán các sản phẩm nông thôn. Tùng phường chỉ là cái đuôi của tùng làng nghề với thành hoàng làng, và gắn chặt chẽ với làng.

- Không có tầng lớp thương nhân như một tầng lớp độc lập, mà chỉ có những thương nhân gắn chặt với làng quê hương. Một tầng lớp thương nhân như vậy không thể có văn hóa riêng (15).

- Thành kiến với thương nghiệp là rất nặng. Có thể nói nặng hơn cả Trung Quốc và các nước ĐNA. Không có một hoạt động thương nghiệp mạnh mẽ phục vụ quyền lợi chính của thương nghiệp, tất

nhiên kinh tế phải ngưng trệ và cùng với nó, chính trị, văn hóa, xã hội cũng ngưng trệ.

8. Gia đình Việt Nam nói chung không giàu có nhưng rất gắn bó. Ông cha Việt Nam không phải là một thứ vua như ông cha Trung Quốc. Đứa con trong gia đình được yêu thương, che chở. Người Việt Nam gặp nhau không hỏi về chức vụ, của cải mà hỏi có bao nhiêu con. Người con gái không lép vế quá mức, và được pháp luật bênh vực. Tục ngữ nói : *"Ruộng sâu trâu nái, không bằng con gái đầu lòng"*. Do đó, người con gái rất gắn bó với cha mẹ mình và đi lấy chồng không có nghĩa là rời bỏ gia đình mình : *"Có con mà gả chồng gần. Có bát canh cần nó cũng đem cho"* (ca dao). Trong một xã hội tự cung tự cấp, việc hôn nhân không phải do cá nhân quyết định mà được quyết định theo tập quán ; chủ yếu theo gia đình. Nếu cho rằng tình yêu là do sở thích cá nhân thì ở Việt Nam trước đây ít có tình yêu này. Nhưng nếu chấp nhận tình yêu là sống chung thủy giữa vợ chồng, cùng nhau lo cho gia đình con cái, hi sinh cho nhau, đối khổ có nhau thì ở Việt Nam điều này là phổ biến. Việc hôn nhân không phải chuyện cá nhân mà là công việc quan trọng giữa hai gia đình, hai họ và hôn nhân là sợi dây liên hệ vững bền nhất giữa hai họ.

Trong các tác phẩm văn học, cũng như trong văn học dân gian, thường nói nhiều đến những bất công mà gia đình bất cá nhân phải chịu. Câu tục ngữ

*"Muốn nói ngoa làm cha mà nói ; muốn nói không làm chồng mà nói ; muốn nói oan làm quan mà nói"* tổng kết một thực tế có thực về những phi lý mà những người con, những người vợ và những người dân phải chịu. Một con người trong xã hội cũ chịu rất nhiều ràng buộc mà trong phần nói về diện mạo sẽ bàn đến. Nhưng dù một người gặp những điều không làm anh ta hài lòng, anh ta vẫn không tài nào thoát ly gia đình và làng xã. Về điểm này, để cho công bằng, phải xét cả hai mặt :

Một mặt, dù cảm thấy không hài lòng, cá nhân vẫn phải chấp nhận tình trạng này, như một điều tự nhiên chẳng khác gì anh ta phải chấp nhận mưa nắng, gió bão. Bởi vì đây là tình trạng quen thuộc hàng nghìn năm nay, chẳng hề thay đổi. Rời khỏi gia đình làng xã thì đi đâu ? Nếu rời khỏi làng mình, chỉ có thể đến sống ở một làng khác với tư cách người dân ngụ cư và như thế sẽ mất mọi quyền lợi trong khi phải gánh những trách nhiệm nặng hơn người dân chính quán.

Mặt khác, chính trong cuộc sống gian khổ, chống thiên nhiên, xâm lược kéo dài qua bao đời, hình thành một minh triết dân gian biểu lộ bằng một văn hóa bền vững có nhiều điểm thích hợp với CNXH : sự quan tâm đến nhau (*Một con ngựa đau cá tàu không ăn cỏ*) ; tinh thần đoàn kết (*Một cây làm chẳng nên non; Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*) ; sự hòa

thuận trong gia đình (*Thuận vợ, thuận chồng tát bể đông cũng cạn*) ; lòng thương người (*Thương người như thể thương thân*) ; thái độ coi trọng con người không phân biệt tài sản (*Ăn mày là ai ? Ăn mày là ta ; Đói com rách áo hóa ra ăn mày*)... Cái minh triết ấy đã khiến cho nhân dân Việt Nam theo Đảng và CNXH dễ dàng, và hi sinh cho nó như một điều tự nhiên. Nó góp phần tạo nên minh triết xã hội, và không phải bắt nguồn từ tôn ty luận của Nho giáo. Nó tạo thành nhân cách luận của dân tộc. Một người theo Nho giáo chỉ là theo trong văn chương. Theo cá nhân luận phương Tây như thế hệ chúng tôi, cũng chỉ là theo trong công việc. Còn trong tâm thức, họ đều là những người thiết tha với minh triết dân gian.

Thực tình tôi không thấy ai chống lại minh triết này. Điều lạ lùng là ngay những nhà văn của Tự lực văn đoàn cũng không khác. Nhất Linh viết "*Như Phong*" ca ngợi lễ giáo xưa. Khái Hưng viết "*Nửa chừng xuân*" ca ngợi lòng tận tụy cho gia đình của người phụ nữ. Và mọi người khác, chê chỗ này lại khen chỗ khác và minh triết dân gian vẫn vượt lên khỏi mọi phê phán của họ.

Cho nên ta không ngạc nhiên khi suốt thời gian quân chủ có mâu thuẫn giữa Nho giáo với minh triết dân gian, có sự điều hòa nhưng không có sự vượt gộp. Nguyễn Trãi đã thử làm trong yêu cầu "*Dám mong Bệ hạ rú lòng thương và chăn nuôi muôn dân khiến*

cho chốn thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hòn giân oán sầu, đó tức là giữ được cái gốc của nhạc", nhưng đã thất bại. Nếu Đảng thực hiện được điều này ở nông thôn thì CNXH và uy tín của Đảng nhất định được bảo vệ ở nông thôn. Phải bảo vệ kỹ được ở nông thôn thì mới có biện pháp đổi mới thành thị, thoát khỏi bị động. Trong hoàn cảnh thế giới thay đổi nhanh như hiện nay, không ai có thể đưa ngay ra các biện pháp đổi mới thành thị mà không vấp vấp.

9. Trong gia đình đã diễn ra cái gọi là "cuộc xung đột giữa các thế hệ". Tôi chứng kiến ba cuộc xung đột. Thứ nhất là cuộc xung đột giữa thế hệ các anh chị của tôi với thế hệ cha mẹ tôi. Cuộc xung đột này không dẫn tới kết quả nào hết. Bởi vì khi đất nước bị nô dịch làm sao có thể có gia đình hạnh phúc? Cuộc xung đột thứ hai diễn ra giữa thế hệ của tôi với cha mẹ. Nhưng cuộc xung đột này đã bị phủ định bởi một xung đột khác lớn hơn. Đó là cuộc xung đột giữa Việt Nam với hai đế quốc. Thế hệ cha chú của tôi cũng như thế hệ tôi đều quên mình để lo cho đất nước. Cho nên thực tình cuộc xung đột lẽ ra phải diễn ra, đã không diễn ra. Trái lại gia đình trở thành chỗ dựa vững chắc nhất của Cách mạng.

Nhưng lại có mâu thuẫn từ phía khác, bản thân gia đình chứa đựng những thiếu sót do chỗ hình thức trước đây của nó lại thích hợp để bảo vệ một văn hóa ngưng trệ. Mà nhiệm vụ của Cách mạng là phải đổi

mới. Cho nên Đảng phải lãnh đạo công việc này. Theo tôi, trong công việc này chúng ta thiếu một lý luận thích hợp để vượt gòp, nên trong cách làm có điều vôi vã. Trong thái độ đối với nhà thờ, mồ mã, chữ hiếu, thờ cúng tổ tiên, trách nhiệm con cái với cha mẹ, học sinh với thầy cô giáo, có những xáo trộn không cần thiết gây thiệt hại cho cả gia đình lẫn Cách mạng. Những điều vôi vã ấy hiện nay đang được sửa chữa, nhưng sự sửa chữa không phải dễ dàng.

Cuộc xung đột thế hệ hiện nay diễn ra giữa thế hệ chúng tôi với con cái chúng tôi. Chủ nghĩa cá nhân dưới hình thức triệt để nhất của kinh tế luận đã thắng ở một số nước và đang được quảng cáo âm ỉ. Dù cho trước đây có những xáo trộn không cần thiết nhưng cái chính là đã cứu được nước, giải phóng được dân tộc để tạo điều kiện cần thiết cho sự đổi mới gia đình vì hạnh phúc người lao động. Cho nên nói đến thiếu sót không phải là để chê bai mà để xét câu chuyện cho thực nghiêm chỉnh. Và chẳng, trong số các nước theo CNXH thì những xáo trộn ở Việt Nam là nhẹ nhất và hiện nay đã có nhiều sửa đổi.

Cơ sở để bảo vệ CNXH là gia đình và trường học trước đã, sau đó mới đến những tổ chức của Đảng. Nếu những gia đình hi sinh vì nước không được nhân dân quý trọng, nếu những con người hi sinh nhiều nhất sống thiệt thòi thì lấy gì để giáo dục tinh thần cách mạng? Nếu xã hội làm ngơ trước những đứa con



bất hiểu, những học trò lão xược với thầy cô thì làm sao xây dựng được những con người sống có trách nhiệm? Xã hội với gia đình và trường học là một thể thống nhất. Đã thế, việc bảo vệ gia đình và nhà trường theo nguyên lý tình nghĩa là dễ làm hơn rất nhiều vì đã có sẵn truyền thống minh triết dân gian làm cơ sở, mà kết quả lại hết sức lớn.

Tôi chỉ có thể trả lời câu hỏi này từ phía mình, tức là từ tầng lớp hiện nay là cha mẹ. Thế hệ cha mẹ phải mẫu mực theo đúng truyền thống *Cần kiệm, Liêm chính, Chí công, Vô tư* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Nếu chúng ta tham ô, lãng phí là chúng ta rất dại. Chúng ta có thể lừa Đảng, lừa dân, nhưng làm sao có thể lừa vợ con chúng ta được? Một khi trong gia đình vợ con coi khinh ta, tác dụng giáo dục của ta mất đi, thì chúng ta sẽ đón lấy những lộn xộn trong gia đình. Chúng ta sẽ mất hạnh phúc gia đình, và con cái sẽ hỏng. Việc gì lại chịu thiệt lớn như vậy khi trước đây chúng ta đã sống xứng đáng, đã được nhân dân tin cậy, con cái noi gương?

10. Gia đình Việt Nam đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Một thứ văn hóa kỳ quái chỉ thâu tóm trong hai nguyên lý là xác thịt và đồng tiền đang đầu độc tâm hồn. Đâu đâu cũng nghe "*Anh yêu em, em yêu anh*" như chấy nhà. Nhưng tỷ lệ ly dị lại tăng lên đến chóng mặt. Trong một xã hội còn nghèo khổ, cả hai vợ chồng phải chung lưng đấu cật mới

nuôi nôi con. Vợ chồng ly dị rồi thân phận đứa con ra sao ? Tôi không chống chuyện "anh yêu em" nhưng hắt con cái ra khỏi gia đình cha mẹ phải chăng là hiện pháp ? Con cái các gia đình cha mẹ li dị bị tổn thương về tình cảm từ bé, khó lòng trở thành những người phục vụ nhân dân mẫu mực. Đó là điều đáng cho mọi người suy nghĩ.

### III. Vấn đề thân phận.

1. Vấn đề thân phận xuất hiện ở nhiều nước trong từng giai đoạn nhất định, nhưng cách nêu vấn đề và cách lý giải nó rất khác nhau.

Khi Thiên Chúa giáo ra đời, nó là vấn đề nóng bỏng. Có một cách lý giải mới, chống lại chế độ nô lệ xem nô lệ như súc vật biết nói, để khẳng định mọi người đều là con của Chúa và đều bình đẳng, do đó đòi hỏi một cách đối xử nhân đạo. Cách lý giải của chủ nghĩa nhân đạo châu Âu chịu ảnh hưởng của quan niệm này. Trong chiến tranh thế giới thứ II, nó là chủ đề yêu thích nhất của một trào lưu văn học thường gọi là văn học hiện sinh. Thân phận con người lúc này trở thành một cái gì phi lý. Để chống lại cái ác biểu hiện ở chủ nghĩa phát-xít, nó đòi hỏi con người phải chống lại cái ác, khẳng định diện mạo của mình trong cuộc đấu tranh này, vì giá trị của con người. Trong khi nhận thức rằng cái phi lý là vĩnh viễn, người ta chống lại vì giá trị của cá nhân mình,

chứ không có hi vọng thoát khỏi cái phi lý. Kiến giải này tuy là cá nhân luận và bi quan nhưng vì được nêu lên dưới góc độ toàn nhân loại nên rất phổ biến và tạo nên được nhiều tác phẩm có giá trị to lớn.

Mặt khác, ở những nhà văn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, vấn đề thân phận lại đặt ra dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, khẳng định địa vị cao quý của người lao động và kêu gọi thay đổi xã hội để khẳng định giá trị, hạnh phúc người lao động. Như vậy, trong bản thân vấn đề thân phận chứa đựng một hàm nghĩa toàn nhân loại, có sức lôi cuốn to lớn, một ý nghĩa nhân văn vừa có giá trị toàn nhân loại lại vừa rất quen thuộc. Nếu văn hóa, văn học Việt Nam đi con đường này, nó dễ dàng tìm được tiếng cộng hưởng của toàn thế giới. Trong khi đó, vấn đề Tổ quốc hay gia đình trên thế giới đặt ra khác Việt Nam nên không phải ngẫu nhiên mà ảnh hưởng văn học, nghệ thuật Việt Nam trong giai đoạn cách mạng bị hạn chế.

Con người theo thao tác luận không chê bai, ca ngợi, mà tìm các biện pháp làm việc có lợi cho văn hóa đất nước, do đó có đưa ra một vài đề nghị. Muốn cho văn hóa Việt Nam tỏa rộng, đem đến uy tín xứng đáng với sự hy sinh của dân tộc, thì phải nâng cái Việt Nam lên cái toàn nhân loại. Để làm thế phải chú trọng hai vấn đề *Thân phận* và *Diện mạo* là hai vấn đề hiện cả thế giới quan tâm. Trong khi nêu hay giải

quyết phải hiểu hiện nay nhân loại nhìn hai vấn đề này ra sao, rồi đưa ra cách tiếp cận có thể ăn khớp với cách nhìn chung, đừng quá Việt Nam khiến người ta không thể thông cảm được.

2. Vấn đề thân phận người Việt Nam là rất quan trọng trong một đường lối văn hóa cách mạng. Trong các nước phương Tây trước khi phong trào dân tộc thắng lợi, người nô lệ, người nông nô không có thân phận, người dân trong các công quốc cũng không có thân phận vì họ thuộc công quốc nào là tùy theo sở thích của ông chủ : một cô công chúa lấy một ông chồng là gộp luôn công quốc của mình vào công quốc của chồng. Trong tình trạng mọi nước đều bị chia cắt, người dân chỉ biết đến vị lãnh chúa của mình không quan tâm mấy tới thân phận của riêng mình với tính cách một người dân.

Ở Trung Hoa dưới thời quân chủ, người dân cũng không có thân phận. Dưới áp lực của bộ máy quan liêu, do sức mạnh của bạo lực quân sự, người ta có thể làm cỏ một vùng, giết hết già trẻ, lớn bé không chút thương xót và các quyền sử kể lại điều này một cách thản nhiên. Ta chỉ cần xem những hành động của Hạng Võ trong "Sứ ký" của Tư Mã Thiên, hay của Tào Tháo trong "Tam quốc chí diễn nghĩa" là thấy. Có một hình phạt kỳ quái là tru di ba họ, tru di chín họ mà ở Trung Quốc là phổ biến và ở Việt Nam thỉnh